

CHÍNH SÁCH HẠN ĐIỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - VẤN ĐỀ VÀ KHUYẾN NGHỊ

PHẠM TÚ TÀI *

Tóm tắt: Trong lịch sử Việt Nam, chính sách hạn điền đã được các triều đại ban hành nhằm phục vụ cho những mục tiêu khác nhau. Ngày nay, những quy định về hạn điền trong Luật Đất đai đã đảm bảo cho hàng chục triệu nông dân có ruộng đất để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, mức hạn điền chưa hợp lý lại là một trong những rào cản quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa trình độ cao ở nước ta. Vì vậy, nói rộng hạn điền được coi giải pháp quan trọng nhằm tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Hạn điền, chính sách hạn điền, hạn mức giao đất, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất.

1. Thống nhất cách hiểu về thuật ngữ hạn điền

Hạn điền là một thuật ngữ đã được sử dụng trong các triều đại phong kiến Việt Nam. Ngày nay, tuy xuất hiện khá nhiều trên các báo và tạp chí, song vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào giải thích thuật ngữ hạn điền. Vì vậy, thuật ngữ hạn điền vẫn được hiểu theo những nghĩa khác nhau.

Thời nhà Hồ, trong công cuộc cải cách của mình, Hồ Quý Ly đã ban hành chính sách hạn điền với mục tiêu chính là nhằm hạn chế việc tập trung ruộng đất với quy mô lớn của tầng lớp địa chủ, quý tộc, quan lại nhà Trần; thu hồi một số lớn diện tích đất đai tư nhân, bổ sung vào đất công do Nhà nước quản lý. Để thực hiện chính sách hạn điền, Hồ Quý Ly đưa ra chủ trương với nội

dung là: Đại Vương và Trưởng Công chúa thì số ruộng không hạn chế, đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu⁽¹⁾.

Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp đã chiếm đoạt ruộng đất của nông dân dưới nhiều hình thức khác nhau để lập các đồn điền. Vào thời điểm này, tại Nam kỳ, thực dân Pháp đã ra Nghị định ngày 09/07/1886 với hạn mức cấp đất không quá 10 ha và chỉ cấp một lần. Sau đó 3 năm, với mục tiêu phát triển đồn điền và tăng cường sản xuất nông nghiệp, người Pháp đã cho ra đời Nghị định ngày 05/10/1889 và Nghị định ngày 15/10/1890. Hai Nghị định này đã nói rộng diện tích cấp đất lên 500 ha cho mỗi đồn điền.

Dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa, chính

1 - Nguyễn Đức Khà: *Lịch sử quản lý đất đai*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003, tr.172.

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

quyền này đã đưa ra hai chính sách về đất đai liên quan đến hạn điền là: "Cải cách điền địa" của Ngô Đình Diệm và "Luật Người cày có ruộng" của Nguyễn Văn Thiệu.

Với chủ trương "Cải cách điền địa" của mình, Ngô Đình Diệm đã đưa ra Đạo dụ 57 ngày 22/10/1956. Trong đó quy định mỗi địa chủ chỉ được giữ lại 100 ha ruộng đất và 15 ha ruộng hương hỏa. Trong 100 ha ruộng đất của mình, điền chủ chỉ được trực canh 30 ha, số còn lại có thể cho tá điền thuê theo hình thức tá canh. Diện tích ngoài 100 ha nói trên, pháp luật lúc bấy giờ quy định phải bán cho người không có đất⁽²⁾.

Đạo dụ 57 của chính quyền Ngô Đình Diệm với mức hạn điền là 100 ha được coi là một diện tích khá lớn ở miền Nam lúc này. Trên thực tế chỉ khoảng 10% nông dân có ruộng.

Năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, nền chính trị ở miền Nam Việt Nam bất ổn trong một thời gian. Do đó, chính sách "cải cách điền địa" đợt 1 bị gián đoạn.

Sau khi lên nắm chính quyền, Nguyễn Văn Thiệu đã tiến hành "cải cách điền địa" đợt 2 bằng cách ban hành "Luật Người cày có ruộng" ngày 26/3/1970. Trong "Luật Người cày có ruộng" chính quyền quy định: Phần diện tích các địa chủ không trực tiếp canh tác sẽ bị thu hồi. Đồng thời, diện tích trực canh của các địa chủ cũng bị giảm xuống. Ở Nam kỳ, mỗi địa chủ được trực canh tối đa 10 ha, ở Trung kỳ, mỗi địa chủ được trực canh tối đa là 5 ha⁽³⁾.

2 - Chu Văn Thịnh: *Cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách và sử dụng hợp lý quỹ đất đai*, ĐTNCKH cấp Nhà nước, Tổng cục Đất đai, 2000, tr. 49 - 51.

3 - Lâm Thanh Liêm: *Chính sách cải cách ruộng đất ở Việt Nam (1954-1994)*, Nxb Nam Á, 1999, tr. 79.

Bên cạnh hạn điền, Nguyễn Văn Thiệu còn đưa ra chủ trương "Hữu sản hóa nông dân" nghĩa là biến những người nông dân tay trắng thành những người có tài sản. Với chủ trương này, diện tích ruộng đất thu hồi của địa chủ được chính quyền chia miễn phí cho nông dân. Ở Nam kỳ, mỗi hộ được chia tối đa 3 ha, còn ở Trung kỳ, mỗi hộ tối đa được chia là 1 ha. Những người được cấp phát ruộng đất phải trực tiếp canh tác trong 15 năm, không được bán hoặc chuyển nhượng cho người khác.

Như vậy, trong lịch sử, hạn điền được hiểu là hạn mức về mặt diện tích ruộng đất mà mỗi hộ gia đình, trang trại, đồn điền được phép sở hữu hoặc sử dụng.

Ngày nay, thuật ngữ hạn điền đã xuất hiện trong một số văn bản, tài liệu. Nhưng nội hàm của thuật ngữ này vẫn chưa được thống nhất.

Theo Từ điển Từ mới tiếng Việt, hạn điền được định nghĩa là giới hạn về diện tích đất mà mỗi hộ gia đình nông dân được phép canh tác⁽⁴⁾.

Tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định, cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chí kinh tế trang trại phải có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu: 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long; 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại.

Theo các tài liệu này, có thể hiểu hạn điền là hạn mức giao đất nông nghiệp. Đây cũng là cách hiểu của khá nhiều tác giả, các hộ gia đình, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực

4 - Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển Từ mới tiếng Việt*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.101.

nông nghiệp.

Trong khi đó, theo Giáo trình Luật Đất đai - Đại học Luật Hà Nội thì hạn điền là hạn mức đất nông nghiệp hay diện tích đất nông nghiệp tối đa mà hộ gia đình, cá nhân được phép sử dụng trên cơ sở đất được Nhà nước giao, nhận quyền sử dụng hợp pháp từ người khác hoặc do khai hoang, phục hóa⁵. Với cách hiểu này, khái niệm về hạn điền được mở rộng hơn.

Hiện nay, khi bàn về vấn đề hạn điền, các nhà khoa học thường đề cập đến ba vấn đề: Hạn mức giao đất nông nghiệp; hạn mức chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; thời hạn giao quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Hạn mức giao đất nông nghiệp là quy định về giới hạn diện tích đất tối đa mà một hộ gia đình, cá nhân được cơ quan nhà nước giao để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Ngoài hạn mức đó, người sử dụng đất sẽ bị hạn chế quyền lợi hoặc không được áp dụng các chế độ miễn giảm theo quy định.

- Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp là diện tích đất tối đa mà một hộ gia đình, cá nhân được phép nhận chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp từ các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác.

- Thời hạn giao quyền sử dụng đất nông nghiệp là thời gian mà các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân được toàn quyền quyết định việc sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả thống nhất cách hiểu trên về thuật ngữ hạn điền để đưa ra một số khuyến nghị đối với chính sách hạn điền trong Luật Đất đai ở Việt Nam

hiện nay.

2. Chính sách hạn điền ở Việt Nam hiện nay

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mô hình hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc trước đây đã bộc lộ nhiều hạn chế. Vì vậy, ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị 100 - CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp. Tiếp đó, là sự ra đời của Luật Đất đai ngày 29 tháng 12 năm 1987 và Nghị quyết 10 -NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 5/4/1988 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Với các chủ trương này, các hộ gia đình nông dân được giao ruộng đất để sử dụng lâu dài, được tổ chức sản xuất và thuê mướn nhân công.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị tuy không trực tiếp đề cập đến thuật ngữ hạn điền, song với quy mô diện tích đất đai có giới hạn được "chia đều" cho hơn 10 triệu nông hộ lúc bấy giờ thì quy mô diện tích ruộng đất của mỗi nông hộ cũng bị giới hạn ở một mức nào đó - Về bản chất, vẫn là hạn điền.

Luật Đất đai 1993 ra đời nhằm khắc phục những hạn chế của Luật Đất đai 1987. Đồng thời, với mong muốn hạn chế tình trạng hình thành tầng lớp địa chủ mới - những người không trực tiếp sản xuất bỏ tiền mua đất và bóc lột người sản xuất, ngày 27/9/1993, Chính phủ đã ban hành Nghị định 64/CP về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. nhằm quy định về hạn điền với thuật ngữ sử dụng là "hạn mức đất nông nghiệp". Nội dung về hạn mức đất nông nghiệp được ghi

5 - Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật Đất đai*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2008, tr. 341 - 342.

rõ ở Điều 5 của Nghị định này. Cụ thể là:

- Đối với đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm: (a) Các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, không quá 3 hecta; (b) Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương khác, không quá 2 hecta.

- Đối với đất nông nghiệp để trồng cây lâu năm: (a) Các xã đồng bằng không quá 10 hecta; (b) Các xã trung du, miền núi không quá 30 hecta.

- Đối với đất trồng, đồi núi trọc, đất khai hoang, lấn biển thì hạn mức của hộ, cá nhân sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định, căn cứ vào quỹ đất của địa phương và khả năng sản xuất của hộ, đảm bảo thực hiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng các loại đất này vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh hạn mức đất nông nghiệp, Nghị định 64-CP còn quy định rõ về thời hạn giao đất đối với từng loại đất cụ thể.

Trong Luật Đất đai năm 2003, quy định về hạn điển được mở rộng và tách ra thành hai thuật ngữ: "hạn mức giao đất" và "hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp" nhằm quy định cụ thể hơn và mở rộng mức hạn điển ở Nghị định 64-CP năm 1993.

Chính sách hạn điển trong Luật Đất đai 2003 được quy định tại Điều 70. Cụ thể là:

- Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 3 héc ta đối với mỗi loại đất.

- Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 héc

ta đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

- Hạn mức giao đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 héc ta đối với mỗi loại đất.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 5 héc ta.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm là không quá 5 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 25 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất rừng sản xuất thì tổng hạn mức giao đất rừng sản xuất là không quá 25 héc ta.

- Hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối không quá hạn mức giao đất quy định nói trên và không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân tại quy định này. Đồng thời, Chính phủ quy định cụ thể hạn mức giao đất đối với từng loại đất của từng vùng.

Luật Đất đai 2013 tiếp tục sử dụng các thuật ngữ "hạn mức giao đất" và "hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp" nhưng có quy định cụ thể hơn về trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với diện tích vượt hạn mức thì chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất chứ không bồi thường về đất.

Quy định về hạn điền và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp được ghi rõ tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này. Cụ thể:

- Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: (a) Không quá 03 héc ta cho mỗi loại đất đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long; (b) Không quá 02 héc ta cho mỗi loại đất đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

- Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

- Hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 héc ta đối với mỗi loại đất: (a) Đất rừng phòng hộ; (b) Đất rừng sản xuất.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 héc ta.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm là không quá 05 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 25 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất rừng sản xuất thì tổng hạn mức giao đất rừng sản xuất là không quá 25 héc ta.

- Hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng

cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối không quá hạn mức giao đất quy định trên và không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân quy định trên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Hạn mức giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, làm muối thuộc vùng đệm của rừng đặc dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân được thực hiện theo quy định trên.

- Đối với diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng ngoài xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì hộ gia đình, cá nhân được tiếp tục sử dụng, nếu là đất được giao không thu tiền sử dụng đất thì được tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp của mỗi hộ gia đình, cá nhân.

Cơ quan quản lý đất đai nơi đã giao đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân gửi thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hộ gia đình, cá nhân đó đăng ký hộ khẩu thường trú để tính hạn mức giao đất nông nghiệp.

Về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được quy định tại Điều 130 của Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể như sau:

- Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3

Điều 129 của Luật này.

- Chính phủ quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể theo từng vùng và từng thời kỳ.

3. Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị chính sách

Việc đưa ra quy định về hạn điền không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn là vấn đề chính trị - xã hội hết sức quan trọng. Chính sách này đảm bảo cho hàng chục triệu nông dân Việt Nam được quyền sử dụng tài nguyên đất của quốc gia, thực hiện công bằng xã hội, ngăn ngừa tình trạng tích tụ quá lớn ruộng đất vào tay một số người, làm bán cùng hóa và bóc lột nông dân. Đồng thời, quy định về hạn điền hợp lý là điều kiện để tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra một cách phù hợp để hình thành và phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa hiện đại.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nếu quy định về hạn điền không phù hợp có thể sẽ triệt tiêu động lực của sản xuất nông nghiệp, cản trở quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Với quy định về hạn điền, hạn mức chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thời hạn giao đất được quy định trong Luật Đất đai 2013 có thể thấy một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, quy định hạn điền (với diện tích nhỏ) đã cản trở quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại. Nhiều doanh nghiệp muốn đầu tư vào vào lĩnh vực nông nghiệp nhưng không thể tập trung được một diện tích đất đai đủ lớn để tiến hành sản xuất với kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

Thứ hai, chính sách hạn điền hiện nay đang vô hình trung trói buộc những người nông dân với những mảnh ruộng nhỏ bé. Họ

rơi vào tình trạng "đi thì cũng dờ, ở không xong". Nếu đầu tư sản xuất thì không hiệu quả; muốn chuyển nhượng quyền sử dụng thì không có cầu, không đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo họ không bị mất ruộng. Tình trạng này dẫn đến việc nông dân bỏ hoang ruộng đất hoặc sản xuất nhưng không đầu tư.

Thứ ba, về thời hạn cho thuê đất và cơ sở pháp lý trong việc chuyển quyền sử dụng đất chưa tạo được niềm tin vững chắc cho người muốn đầu tư sản xuất lớn cũng như người muốn chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất để chuyển sang nghề khác.

Thứ tư, chủ trương mở rộng hạn điền đã được Chính phủ thống nhất tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2/2017. Tuy nhiên, mở rộng hạn điền ở Việt Nam hiện nay là gì? Mở rộng như thế nào, diện tích bao nhiêu? Làm sao để tránh việc hình thành "địa chủ mới" trong nông nghiệp... là những vấn đề cần được bàn kỹ.

Thứ năm, khi mở rộng hạn điền, ruộng đất được tích tụ, tập trung theo hình thức nào? Nông dân ở đâu, làm gì sau quá trình này?

Từ những vấn đề nêu trên chúng tôi xin đưa một số khuyến nghị sau đây:

- *Về vấn đề hạn điền*: Mở rộng hạn điền hay xóa bỏ hạn điền không phải là điều quan trọng mà mục tiêu là tạo điều kiện, hành lang pháp lý cho quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra thuận lợi. Tuy nhiên, vấn đề hạn điền ở Việt Nam hiện nay không chỉ là hạn mức giao đất (Điều 129 - Luật Đất đai 2013) mà còn là hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp (Điều 130 - Luật Đất đai 2013). Vì vậy, việc sửa đổi Luật Đất đai 2013 cần tập trung vào việc mở rộng hoặc xóa bỏ hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân. Nếu

chỉ thực hiện mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất thì Nhà nước cần nghiên cứu kỹ thực tiễn để đưa ra một giới hạn về diện tích phù hợp, sao cho không gây cản trở quá trình tập trung ruộng đất.

- *Về thời hạn giao đất, cho thuê đất*: Theo Điều 126, Luật Đất đai 2013, thời hạn giao đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là 50 năm. Khi hết thời hạn, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nếu có nhu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản này. Thời hạn cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân không quá 50 năm. Khi hết thời hạn thuê đất, hộ gia đình, cá nhân nếu có nhu cầu thì được Nhà nước xem xét tiếp tục cho thuê đất.

Theo các nhà lập pháp, thời hạn 50 năm là đủ dài để người dân yên tâm đầu tư sản xuất. Tuy nhiên, với tâm lý của nhà đầu tư thì vẫn là một thời hạn ngắn để họ yên tâm đầu tư sản xuất lớn. Mặt khác, theo điều Luật này, khi hết hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu, người sử dụng vẫn có thể tiếp tục gia hạn. Vì vậy, thiết nghĩ nên chăng xóa bỏ thời hạn sử dụng đất hoặc đưa ra một mức thời hạn dài hơn (100 năm hay 150 năm).

- *Về đối tượng được nhận chuyển quyền sử dụng ruộng đất*: Điều 190, Luật Đất đai 2013 quy định, việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chỉ được thực hiện cho hộ gia đình, cá nhân khác trong cùng xã, phường, thị trấn để thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và không phải nộp thuế thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ. Điều này đã hạn chế những người có vốn, có kinh nghiệm và nhu cầu đầu tư sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở một vùng khác. Trên thực tế, nhà đầu tư đã lách luật bằng

cách đứng tên người khác để nhận chuyển nhượng ruộng đất. Tình trạng này gây khó khăn cho nhà đầu tư và khó khăn trong công tác quản lý. Vì vậy, đây là một vấn đề cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- *Vấn đề hình thành "địa chủ mới", "bản cùng hóa nông dân"*: Không phải ngẫu nhiên mà sau ba lần sửa đổi Luật Đất đai, chúng ta vẫn duy trì chính sách hạn điền với một quy định khắt khe về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng ruộng đất. Bởi vì mỗi khi việc chuyển quyền sử dụng đất được nới lỏng thì việc hình thành "địa chủ mới", "bản cùng hóa nông dân" là có thể xảy ra. Do đó, việc mở rộng hạn điền vẫn phải tính đến thực trạng này.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, cần đa dạng hóa việc tích tụ, tập trung ruộng đất và có nhiều phương án cho người nông dân sau khi chuyển quyền sử dụng đất cho người khác. Đặc biệt, tuyệt đối nghiêm cấm hình thức phát canh thu tô, biến nông dân thành những người làm thuê trên ruộng đất của mình.

Việc đa dạng hóa hình thức tập trung ruộng đất cần căn cứ vào điều kiện và khả năng của người chuyển nhượng ruộng đất. Đối với những nông dân có điều kiện chuyển đổi ngành nghề thì có thể chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức cho thuê. Đối với những người vẫn có nhu cầu tiếp tục sản xuất kinh doanh nông nghiệp thì có thể tập trung ruộng đất dưới hình thức góp đất làm ăn; thành lập hợp tác xã nông nghiệp; thành lập doanh nghiệp nông nghiệp... Người nông dân muốn chuyển quyền sử dụng ruộng đất phải có "luyện chứng" về phương kế sinh nhai của mình sau khi chuyển quyền sử dụng đất.

Chính sách hạn điền đã xuất hiện ở Việt

Nam từ thời xa xưa. Mỗi triều đại, mỗi nhà nước khi ban hành chính sách hạn điền đều có những mục tiêu riêng, phục vụ cho mục tiêu của chế độ xã hội. Chính sách hạn điền có ý nghĩa nhất định trong việc thực hiện công bằng xã hội, quản lý tài nguyên đất đai của đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập hiện nay, chính sách hạn điền khắt khe đang là một trở ngại lớn trong việc phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại ở Việt Nam.

Mở rộng hạn điền là yêu cầu cấp thiết của thực tiễn và đã được Chính phủ đồng ý về chủ trương. Tuy nhiên, cách làm như thế nào để mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội là vấn đề hết sức hệ trọng. Để làm tốt điều này cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị,

của các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn và cả những người nông dân. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật Đất đai*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2008.
2. Nguyễn Đức Khả: *Lịch sử quản lý đất đai*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.
3. Chu Văn Thịnh: *Cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách và sử dụng hợp lý quỹ đất*, ĐTNCKH cấp Nhà nước, Tổng cục Đất đai, năm 2000.
4. Đại học Nông nghiệp I Hà Nội: *Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam*, Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp quốc tế, năm 2007.

ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN... (tiếp trang 17)

...cách mạng"⁽¹⁶⁾. Đồng thời, tạo môi trường dân chủ trong Đảng là cơ sở thực hành dân chủ rộng rãi trong toàn xã hội, phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Bởi theo Hồ Chí Minh, muốn quét sạch chủ nghĩa cá nhân "trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình"⁽¹⁷⁾, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên tính tự giác cao, tự rèn luyện đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân gây hại cho bản thân mình, tổ chức và toàn Đảng.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân có hiệu quả trong toàn Đảng nói chung và đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng là một tất yếu, nó diễn ra hết sức gay go, phức tạp, quyết liệt, đòi hỏi cán bộ, đảng viên trong Đảng phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân; nắm chắc mọi biểu hiện đa dạng của chủ nghĩa cá nhân và thực hiện đồng bộ các biện pháp đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân gắn với thực hiện thắng lợi mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức rèn luyện đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, "là đạo đức, là văn minh" theo lời Bác dạy. ■

16 - Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 15, tr. 673.

17 - Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 15, tr. 611.